

Số 27/2017/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 696/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 – 2021; Công văn thẩm định số 19427/STP-KTrVB ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Sở Tư pháp; Báo cáo thẩm tra số 715 /BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 – 2021 theo nội dung đề xuất tại Tờ trình số 696/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí cấp đó; hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung chi: trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ tài liệu.

Điều 2.

1. Các khoản chi của từng cấp Hội đồng nhân dân do ngân sách cùng cấp đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của từng cấp Hội đồng nhân dân.

2. Các khoản chi không sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 được thực hiện theo Nghị quyết số 129/2016/NQ – HĐND và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3.

Hội đồng nhân dân các cấp áp dụng Nghị quyết này từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung).

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN quận, huyện và phường, xã, thị trấn;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- Văn phòng HĐND thành phố (CVP, PCVP, TP);
- Lưu: VT, (P.TH-H).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Quyết Tâm



QUY ĐỊNH

**Quy định về chế độ, định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp
Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 – 2021 (sửa đổi, bổ sung)**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			Ghi chú
			Thành phố	Cấp Huyện	Cấp xã	
I	Chế độ tiền lương					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ	Mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,12	0,10	Sửa đổi bổ sung
	- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách).	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,4	0,3	
II	Chi cho công tác thẩm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân					
1	Xây dựng các báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân					

1.1	Nội dung có độ phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội.					
	Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra	đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000	1.000.000	
	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chỉ soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000	
1.2	Thẩm tra các nội dung còn lại					
	Đối với cơ quan chủ trì	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chỉ soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000	
2	Tổ chức các cuộc họp thẩm tra, góp ý báo cáo thẩm tra					
	Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu	đồng/người/nội dung thẩm tra	400.000	250.000	150.000	
	Người chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Chi cho chuyên gia viết bài tham luận, góp ý phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết (bằng văn bản)					
	Nội dung có độ phức tạp cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực: cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội	đồng/người/văn bản góp ý	800.000	500.000	300.000	
	Các nội dung còn lại	đồng/người/văn bản góp ý	400.000	250.000	150.000	
4	Chi cho việc viết báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận	đồng/người/văn	800.000	500.000	300.000	

	của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	bản				
5	Chi cho công việc theo dõi, tập hợp, tổng hợp và phân loại ý kiến kết luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400.000	250.000	150.000	
6	Chi cho công việc hoàn thiện báo cáo, đề án, nghị quyết	đồng/văn bản	1.500.000	900.000	550.000	
7	Chi cho công tác xây dựng Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm trình HĐND					Sửa đổi, bổ sung
	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Thường trực HĐND.	đồng/văn bản	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Chi xây dựng báo cáo định kỳ, tờ trình của Thường trực HĐND trình HĐND.	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
III	Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật của Quốc hội; các đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân (đối với nội dung cần xin ý kiến do Thường trực HĐND quyết định)					
1	Chi cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu góp ý					
1.1	Dự án luật mới					
	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	
1.2	Dự án luật sửa đổi, bổ sung					
	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	

1.3	Đề án, kế hoạch, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân					
	Chi đối với chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/văn bản)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	
2	Tổ chức họp góp ý kiến					
	Viết bài tham luận	đồng/người/bài	500.000	300.000	180.000	
	Người chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/buổi	100.000	60.000	40.000	
	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	80.000	50.000	30.000	
	Cán bộ phục vụ gián tiếp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án luật; góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	đồng/báo cáo	800.000	500.000	300.000	
IV	Chi cho công tác giám sát, khảo sát					
1	Đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân					
1.1	Chi xây dựng các văn bản					
	Xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát xây dựng nội dung kế hoạch giám sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000	
	Xây dựng đề cương giám sát	đồng/văn bản/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
	Xây dựng báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả sau đợt	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	

	giám sát, khảo sát					
1.2	Chi tổ chức cuộc họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
2	Đoàn giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu					
2.1	Chi xây dựng các văn bản					
	Xây dựng quyết định, kế hoạch thực hiện giám sát khảo sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000	
	Chi bồi dưỡng xây dựng báo cáo, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
2.2	Chi tổ chức cuộc họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000	
	Thành viên chính thức đoàn giám sát, khảo sát, khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp đoàn khảo sát, giám sát	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Hỗ trợ tiền ăn trưa khi thực hiện giám sát tại các huyện của thành phố.	đồng/người	50.000			

4	Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố					Sửa đổi, bổ sung
4.1	Chi cho việc xây dựng văn bản					
	Xây dựng kế hoạch chi tiết phiên giải trình	đồng/kế hoạch	200.000	120.000	70.000	
	Xây dựng báo cáo tổng hợp Kết quả giải trình	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000	
4.2	Chi phiên họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000	
	Đại biểu Hội đồng nhân dân phố và khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp phiên họp	đồng/người/buổi	80.000	50.000	30.000	
	Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ gián tiếp phiên họp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
5	Chi cho hoạt động chất vấn tại kỳ họp					Sửa đổi, bổ sung
	- Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000	
	- Xây dựng Nghị quyết về chất vấn	đồng/Nghị quyết	2.000.000	1.200.000	700.000	
V	Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân					
1	Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp					Sửa đổi, bổ sung
1.1	Chi hỗ trợ để tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.					
	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 1 đơn vị	đồng/quận,	6.000.000	3.600.000	2.000.000	

		huyện, phường, xã, thị trấn/năm				
	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 2 đơn vị	đồng/quận, huyện, phường, xã, thị trấn/năm	12.000.000	7.200.000		Sửa đổi, bổ sung
1.2	Chi bồi dưỡng					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	4.500.000	2.700.000	1.600.000	
	Cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/người/đợt	200.000	120.000	70.000	
1.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo/đợt	500.000	300.000	180.000	
1.4	Chi báo cáo của Ủy ban nhân dân về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
2	Tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề, theo ngành, giới của Thường trực HĐND					Sửa đổi, bổ sung
2.1	Chi hỗ trợ các đơn vị phối hợp thực hiện nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.	đồng/cuộc	5.000.000	3.000.000	1.750.000	
2.2	Chi dự họp					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự	đồng/cuộc	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức và người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/cuộc	50.000	30.000	20.000	
2.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến tiếp xúc cử tri	Đồng/Báo cáo	300.000	180.000	100.000	

VI	Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân					
1	Chi tiếp công dân					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000	
	Đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức tham mưu, phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
2	Tổ đại biểu báo cáo tình hình và kết quả tiếp công dân	đồng/báo cáo	200.000	120.000	70.000	
VII	Chi phục vụ kỳ họp					
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân					
1.1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	120.000	70.000	
1.2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/ngày	150.000	90.000	55.000	
1.3	Chuyên viên tổng hợp ý kiến thảo luận tổ	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000	
1.4	Chi tiền nước uống phục vụ kỳ họp	đồng/người/ngày	70.000	30.000	30.000	
1.5	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp (kể cả họp thường kỳ, bất thường, chuyên đề).	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000	
1.6	Chi hỗ trợ cho lái xe của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bộ phận phục vụ gián tiếp cho kỳ họp.	đồng/người/ngày	50.000	30.000	20.000	
1.7	Các khoản chi khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời và cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố (chế độ giải khát tại kỳ họp, chế độ			-	-	

	nghi trưa, chế độ làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ và các chế độ khác): Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hàng năm nhưng không vượt quá mức chi phục vụ kỳ họp Quốc hội hàng năm					
2	Chi cho Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khu vực miền Đông Nam Bộ do thành phố đăng cai tổ chức					
2.1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu khách mời; chế độ phòng nghỉ theo quy định chế độ hiện hành.	đồng/người/ngày	150.000	-	-	
2.2	Chi cho cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ hội nghị.	đồng/người/ngày	100.000	-	-	
2.3	Các khoản chi khác phục vụ hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định					
3	Chi tổ chức Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, họp Thường trực HĐND – UBND – UB.MTTQ, họp Thường trực HĐND, hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân quận – huyện và phường – xã, họp các Ban của HĐND					Sửa đổi, bổ sung
3.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời.	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000	
3.2	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài.	đồng/người/ngày	50.000	30.000	20.000	
4	Chi cho hội nghị chuyên đề của Hội đồng nhân dân					Sửa đổi, bổ sung
4.1	Chủ tọa hội nghị	đồng/người/ngày	200.000	120.000	70.000	
4.2	Thư ký hội nghị	đồng/người/ngày	150.000	90.000	55.000	
4.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000	
4.4	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	30.000	20.000	
4.5	Các báo cáo tham luận của chuyên gia (nếu có) bằng	đồng/bài.	500.000	300.000	200.000	

	văn bản					
VIII	Chi cho công tác xã hội					
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau					
1.1	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm					
1.1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/năm). Cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố được hưởng các chế độ thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, trợ cấp khó khăn đột xuất.	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	
1.1.2	Khi bị bệnh hiểm nghèo có thể chi tối đa đồng/trường hợp hợp và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định (không quá 2 lần/người/năm)	đồng/trường hợp	5.000.000	3.000.000	1.800.000	
1.2	Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực, Trưởng, phó Ban chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố, Chánh, Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các Sở, ban-ngành và tương đương đã nghỉ hưu (không quá 02 lần/năm): vòng hoa, trái cây thanh toán theo thực tế và chi hỗ trợ.	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	
	Khi bị bệnh hiểm nghèo và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/trường hợp	Tối đa 5.000.000	Tối đa 3.000.000	Tối đa 1.800.000	
2	Chi thăm viếng					
2.1	Chi phúng viếng	đồng/trường hợp				
	Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm từ trần được phúng viếng và hỗ trợ mai táng phí	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng); con đẻ, con nuôi hợp pháp của đại biểu Hội đồng nhân dân từ	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000	Sửa đổi, bổ sung

	trần được trợ cấp					
	Đối với các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu chuyên trách của Hội đồng nhân dân	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	Sửa đổi, bổ sung
	Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ Điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước	đồng/đại biểu	10 lần mức lương cơ sở			Sửa đổi, bổ sung
2.2	Hoa viếng thực hiện cho các đối tượng theo mục 2.1		Thanh toán theo thực tế			Sửa đổi, bổ sung
3	Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo qui định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm theo mức khoán	đồng/người/năm	4.000.000	4.000.000	4.000.000	Sửa đổi, bổ sung
IX	Chế độ chi may trang phục (lễ phục)					
1	- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may trang phục (lễ phục) hai lần.	đồng/người/lần	5.000.000	5.000.000	5.000.000	
2	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố được cấp tiền may trang phục (lễ phục) một lần trong nhiệm kỳ.	đồng/người/lần	5.000.000	-	-	
X	Chế độ khác					
1	Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được trang bị thiết bị công nghệ thông tin. Khi thực hiện chế độ này, phải lập đề án hoặc dự toán cụ thể theo quy định về mua sắm tài sản công.	01 thiết bị/người/lần	(chi áp dụng ở cấp Thành phố)			Sửa đổi, bổ sung

2	Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân tích cực hoạt động trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; đối tượng khen thưởng do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị vào cuối nhiệm kỳ, mức chi theo quy định hiện hành.		Thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng hiện hành			
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ Bảo hiểm xã hội được hưởng chế độ Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật về Bảo hiểm y tế. Hội đồng nhân dân nơi đại biểu đang sinh hoạt có trách nhiệm chi trả kinh phí bảo hiểm y tế.		Thanh toán theo thực tế			Sửa đổi, bổ sung
4	Chế độ chi tổ chức các hội nghị của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân					
	Chủ trì hội nghị	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu, khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
5	Chi thực hiện Chương trình Lắng nghe và trao đổi của Hội đồng nhân dân thành phố					Sửa đổi, bổ sung
5.1	Chi hỗ trợ cho cử tri tham dự khi tổ chức chương trình tại Đài truyền hình thành phố: + Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức	đồng/người /buổi	50.000 100.000			
5.2	Chi hỗ trợ để tổ chức chương trình tại cơ sở					
	Chi hỗ trợ cho cơ sở bố trí địa điểm thực hiện (trang trí, nước uống và phục vụ...):	Đồng/chương trình	10.000.000			

	- Chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND, khách mời tham dự, cử tri, cán bộ công chức phục vụ: + Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức	đồng/người /buổi	50.000 100.000				
6	Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ Đại biểu						
	Tổ đại biểu có 1 đơn vị	đồng/Tổ/quý	2.000.000	1.200.000		Sửa đổi, bổ sung	
	Tổ đại biểu có 2 đơn vị	đồng/Tổ/quý	4.000.000	2.400.000		Sửa đổi, bổ sung	
7	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp tài liệu:					Sửa đổi, bổ sung	
7.1	Công báo, báo Nhân dân, phí khai thác internet theo mức khoán	đồng/người /tháng	700.000	400.000	250.000		
7.2	Báo Đại biểu nhân dân được chuyển trực tiếp đến từng đại biểu Hội đồng nhân dân	Thanh toán theo thực tế					
8	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ.	đồng/người	TT. HĐND quyết định	Không quá 1.000.000	Không quá 500.000		
9	Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định (chi áp dụng cấp Thành phố)						
10	Chi cho chuyên gia được mời làm cộng tác viên, do Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu, tùy theo nội dung, chất lượng và tính cấp thiết của chuyên đề (chuyên đề không phức tạp, chuyên đề lớn, chuyên đề phức tạp). Mức chi cụ thể sẽ do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/chuyên gia/chuyên đề	2.000.000	-	-		
11	Chi trao đổi học tập kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, của các Ban của Hội	Ngoài tiền thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú theo quy định		Áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC		Sửa đổi, bổ sung	

	đồng nhân dân trong nước	hiện hành còn hỗ trợ thêm 150.000đồng/người/ngày (các mức chi khác do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định). Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú (kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiêu vặt)	ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.	
12	Chi tổ chức đoàn trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân tại nước ngoài: Theo kế hoạch, đề án cụ thể được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt.			
13	Các chế độ công tác phí phục vụ cho chi tiếp khách trong và ngoài nước của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ, chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ